

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K4,5,6 KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT CNTN ĐỢT 3 NĂM 2022

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã lớp học	Tổng số tín chỉ học	tổng số tín chỉ qua	TBC	TH	NN	GDTC	GDQP	Bảng-HB	Ghi chú
1	0410610568	Đoàn Ngọc Mai	Anh	14/11/1998	Nữ	KA4A	126	126	2.46	x		x	x	x	Hết hạn CĐN NN 21/07/2020
2	0410220363	Hoàng Bằng	Nhật	18/12/1998	Nam	KC4A	124	124	2.33			x	x	x	Hết hạn CĐN NN Năm 2019
3	0410210016	Lê Hoàng	Anh	03/08/1998	Nam	KD4A	124	124	2.18	x			x	x	
4	0410210027	Nguyễn Thị Mai	Anh	21/06/1998	Nữ	KD4E	124	124	2.33		x	x	x	x	
5	0410211045	Ngô Thị Hồng	Duyên	25/06/1997	Nữ	KD4H	124	124	2.52		x		x		
6	0410210339	Phạm Thị Thúy	Ngân	19/07/1998	Nữ	KD4H	124	124	2.42			x	x	x	Hết hạn CĐN NN Năm 2019
7	0410210349	Chu Thị	Ngọc	06/03/1998	Nữ	KD4H	124	124	2.36	x		x	x	x	Hết hạn CĐN NN 21/07/2020
8	0410210121	Nguyễn Văn	Hải	26/08/1998	Nam	KD4K	124	124	2.22	x		x	x		Hết hạn CĐN NN Năm 2019
9	0410210364	Phan Thị	Nhật	10/04/1998	Nữ	KD4K	124	124	2.22			x	x	x	
10	0410211037	Trần Thu	Thủy	06/04/1997	Nữ	KD4K	124	124	2.98	x	x	x	x		28/12/2020
11	0410120721	Phạm Mai	Anh	25/08/1997	Nữ	NH4A	124	124	2.46			x	x	x	Hết hạn CĐN NN Năm 2019
12	0410310631	Hoàng Đức	Khải	17/11/1998	Nam	QT4A	124	124	2.19			x	x	x	
13	0410310604	Mai Quốc	Dũng	21/12/1998	Nam	QT4B	124	124	2.28			x	x	x	Hết hạn CĐN NN + TH Năm 2019

14	0410310613	Phạm Tiến	Hoàng	18/08/1998	Nam	QT4B	124	124	2.33			x	x	x	Hết hạn CĐN NN + TH Năm 2019
15	0410310654	Bùi Ngọc Phương	Nam	24/11/1997	Nam	QT4B	124	124	2.47			x	x	x	
16	0410110782	Chu Thị	Linh	12/02/1998	Nữ	TC4A	124	124	2.36			x	x		Hết hạn CĐN NN + TH Năm 2019
17	0510210068	Đỗ Thị	Dung	16/07/1999	Nữ	KD5A	124	124	2.32			x	x	x	
18	0510211148	Nguyễn Văn	Hương	30/12/1999	Nam	KD5A	124	124	2.32		x	x	x		
19	0510210431	Nguyễn Thị Hải	Ninh	14/06/1999	Nữ	KD5B	124	124	2.49	x		x	x	x	
20	0410210241	Hoàng Thu	Huyền	07/11/1998	Nữ	KD5D	124	124	2.66			x	x		
21	0510210136	Bùi Thùy	Linh	17/05/1999	Nữ	KD5D	124	124	2.25			x	x		
22	0510210180	Nguyễn Hồng	Nhung	14/10/1999	Nữ	KD5D	124	124	2.65	x		x	x	x	
23	0510211073	Vũ Hoàng	Long	18/07/1999	Nam	KD5K	124	124	2.46	x	x	x	x		
24	0510310025	Vũ Thị Quỳnh	An	21/08/1999	Nữ	QT5A	124	124	2.30	x		x	x	x	Hết hạn CĐN NN 21/07/2020
25	0510311064	Lê Thị Thanh	Huyền	18/11/1999	Nữ	QT5B	124	124	2.43	x	x	x	x		
26	0510310301	Đinh Công Ngọc	Anh	10/02/1999	Nam	QT5C	124	124	2.69	x		x	x	x	
27	0510310291	Đàm Hồng	Nhung	13/05/1998	Nữ	QT5C	124	124	2.58		x	x	x	x	
28	0510110377	Lê Tuấn	Dương	17/10/1998	Nam	TC5A	124	124	2.25			x	x	x	
29	0510111021	Trần Diệu	Linh	29/04/1999	Nữ	TC5A	124	124	2.27	x		x	x		

30	0610610403	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	16/12/2000	Nữ	KA6A	126	126	2.61	x		x	x	x	
31	0610611984	Nguyễn Huyền	Trâm	02/10/2000	Nữ	KA6A	126	126	3.05	x	x	x		x	
32	0610210014	Lưu Quang	Phát	23/03/1997	Nam	KD6A	124	124	2.66	x		x	x	x	
33	0510210047	Vũ Thị Cẩm	Anh	05/12/1999	Nữ	KD6B	124	124	2.64	x		x	x		
34	0610210239	Phạm Thị	Mơ	18/05/2000	Nữ	KD6B	124	124	2.62	x			x	x	
35	0610211274	Hoàng Thúy	Quỳnh	14/05/2000	Nữ	KD6B	124	124	2.64			x	x	x	
36	0610211926	Trịnh Thị Hải	Yến	03/08/2000	Nữ	KD6B	124	124	2.98		x	x	x		
37	0610330666	Hoàng Ngọc	Quỳnh	15/10/2000	Nữ	KD6D	124	124	2.62	x			x	x	
38	0610210363	Văn Thị	Trang	10/01/2000	Nữ	KD6D	124	124	2.63		x	x	x	x	
39	0610210205	Nguyễn Diệu	Linh	20/03/2000	Nữ	KD6G	124	124	2.78		x	x	x	x	
40	0610211826	Đinh Văn	Điệp	12/06/2000	Nam	KD6K	124	124	2.60		x	x	x	x	
41	0610120801	Trần Nam	Phong	26/10/1999	Nam	NH6A	124	124	2.56	x	x	x	x		
42	0610330744	Nguyễn Thị Phương	Uyên	17/12/2000	Nữ	QM6A	124	124	2.73	x		x	x		
43	0610311898	Trần Thị Minh	Châu	20/11/2000	Nữ	QT6A	124	124	3.41	x		x	x	x	
44	0610110488	Trần Trọng	Cảnh	21/06/2000	Nam	TC6A	124	124	2.57			x	x		
45	0610120775	Mai Văn	Hai	09/09/1995	Nam	TC6A	124	124	2.70	x	x	x		x	